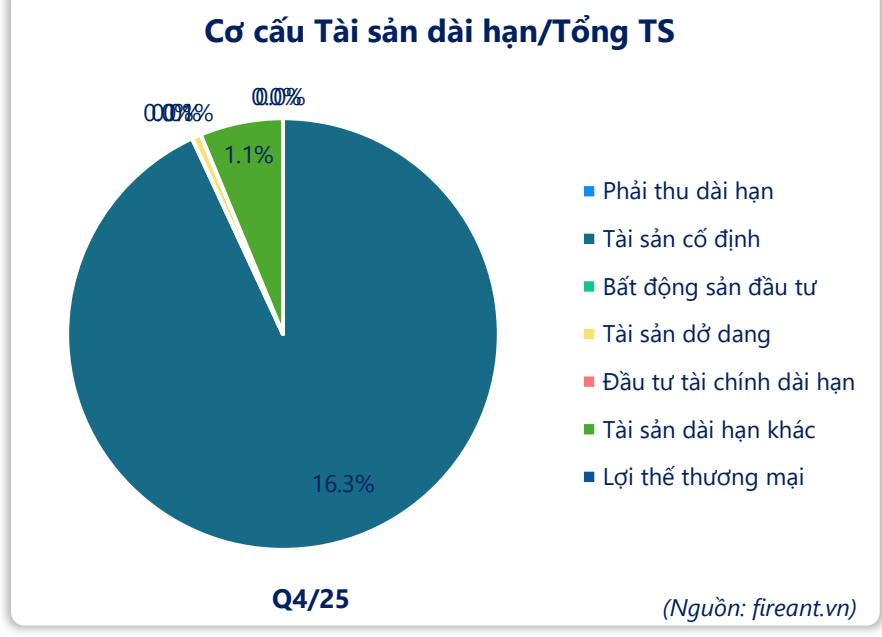
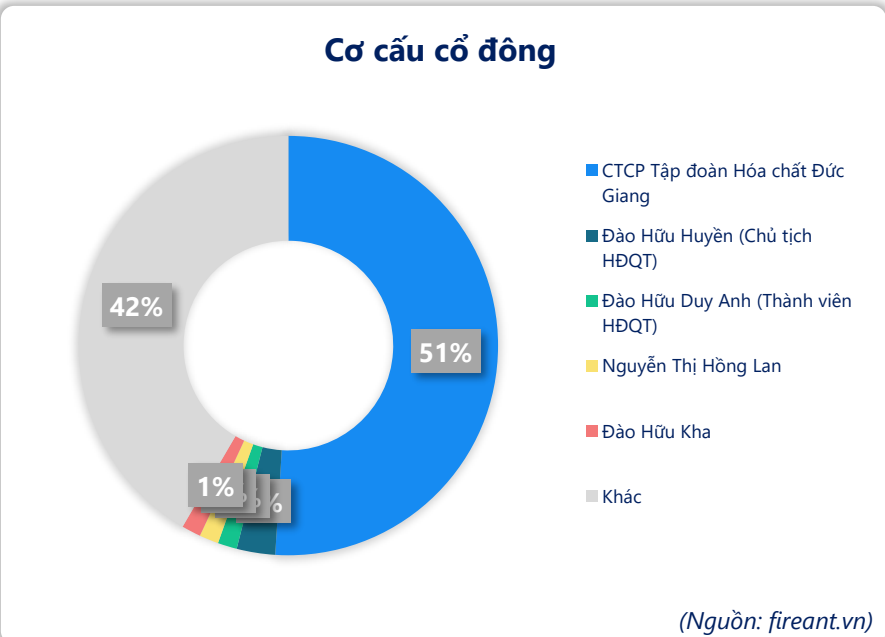
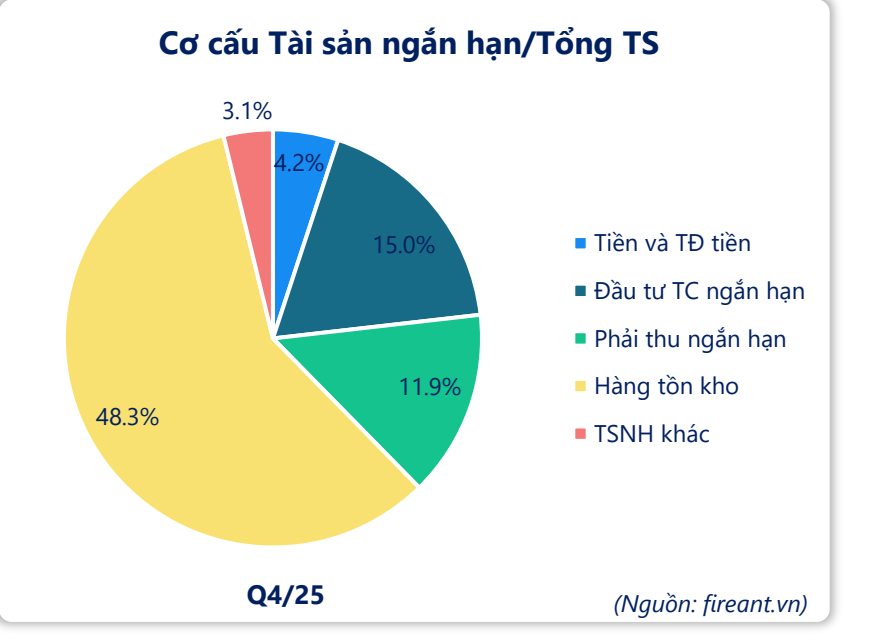
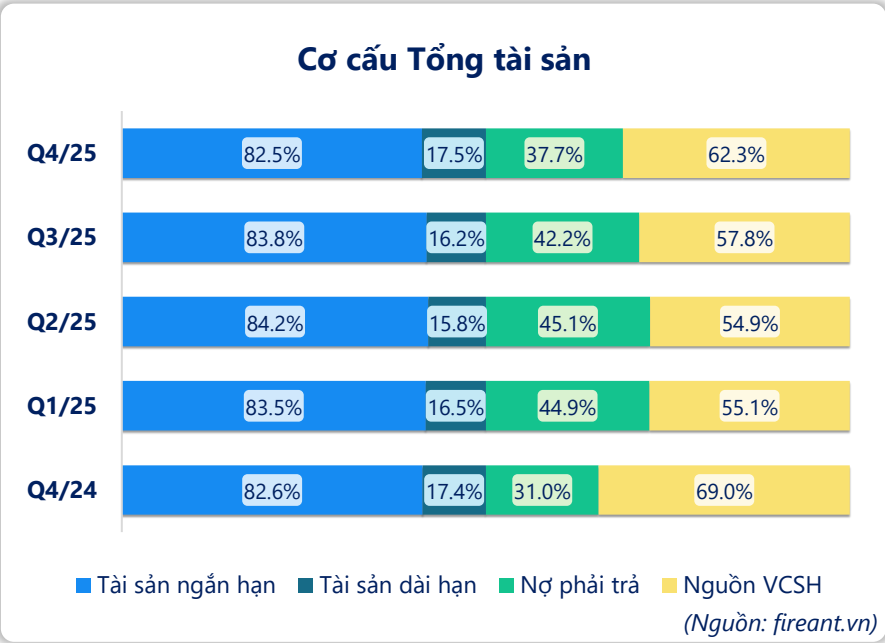
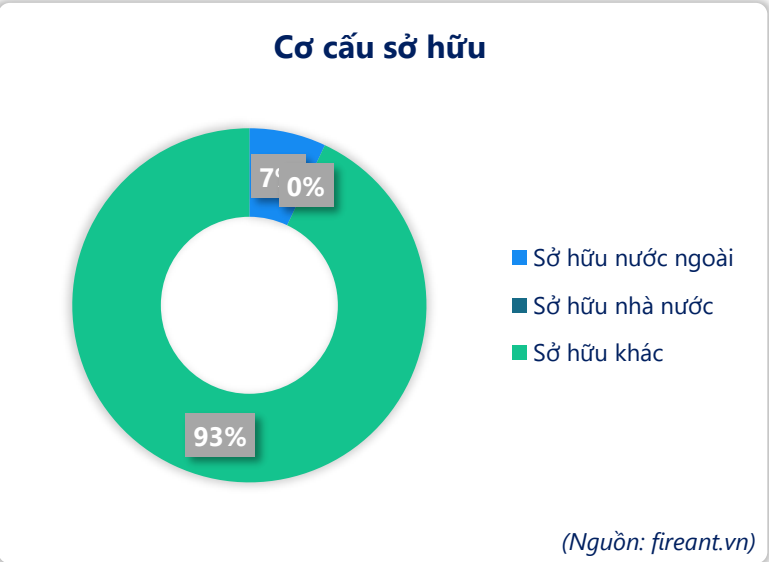
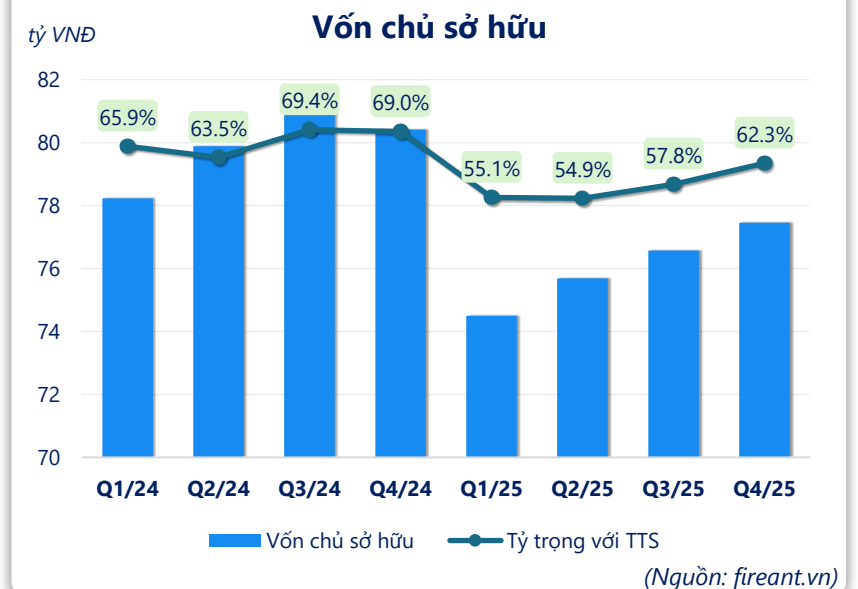
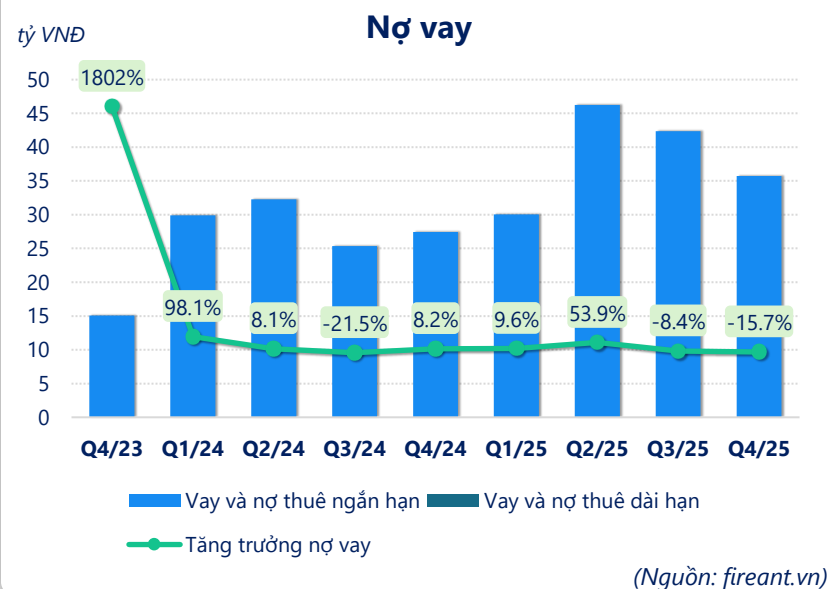
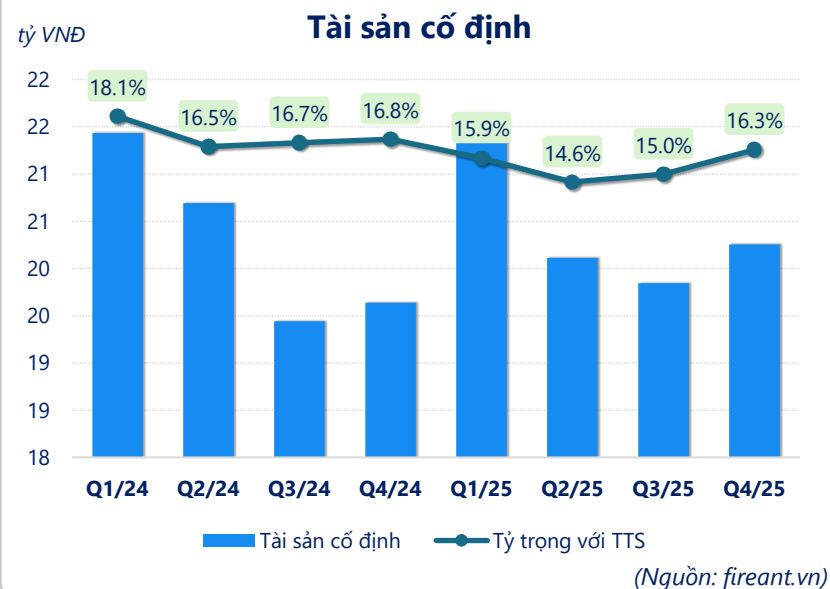
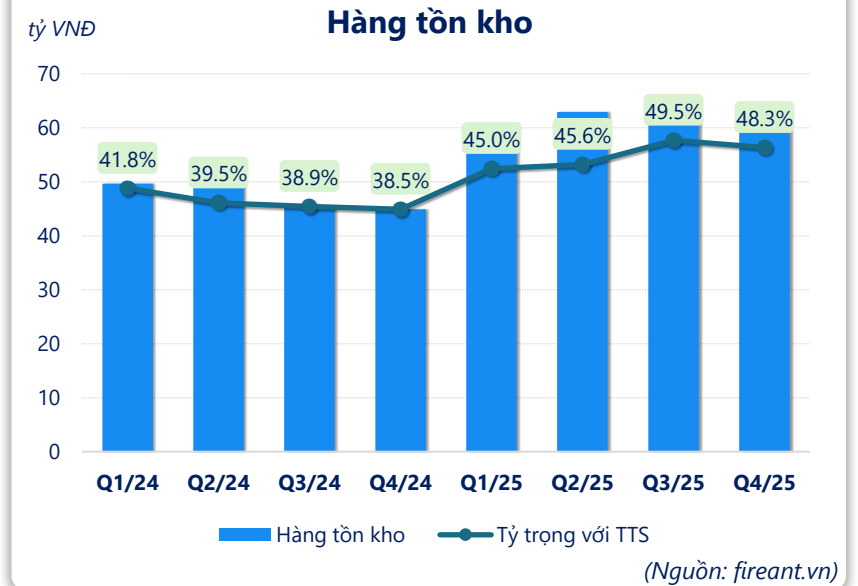
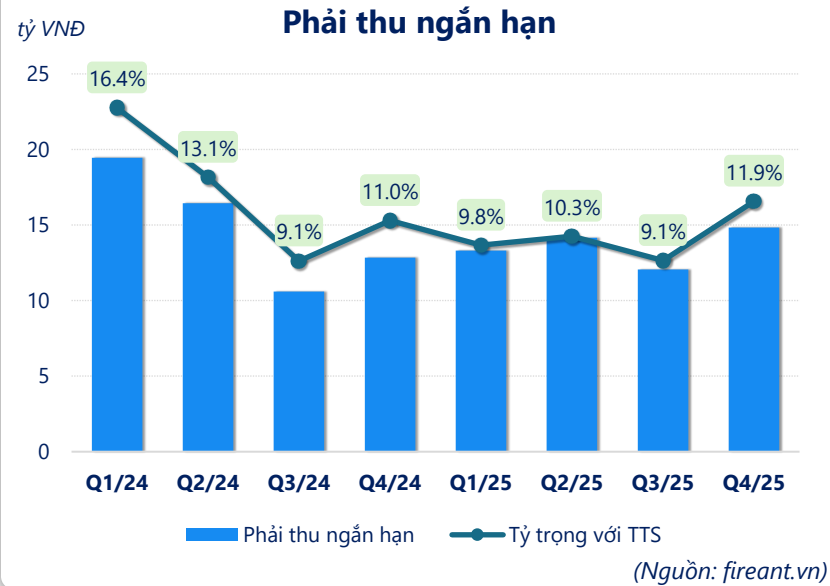
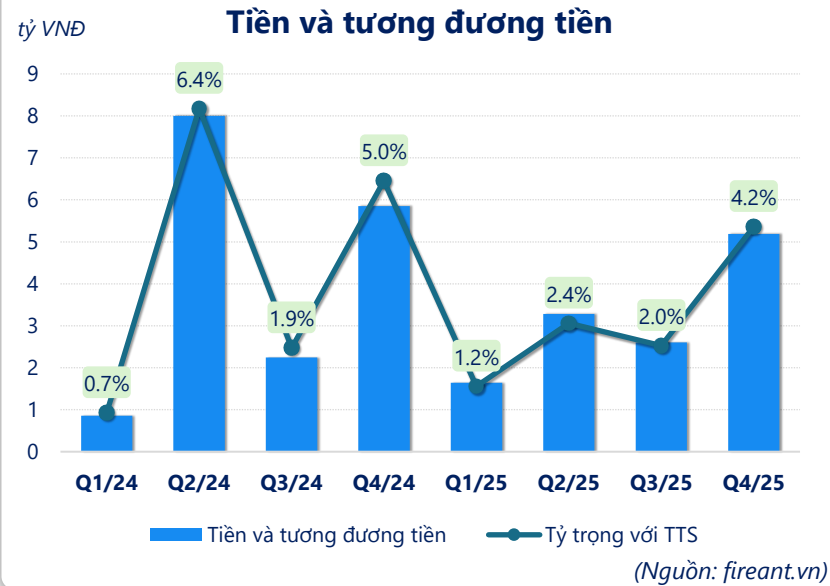
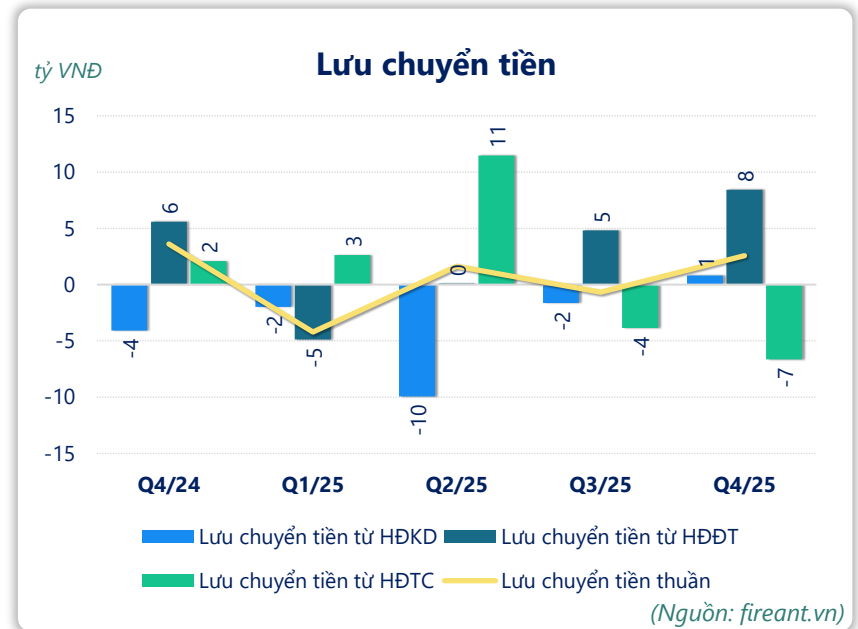
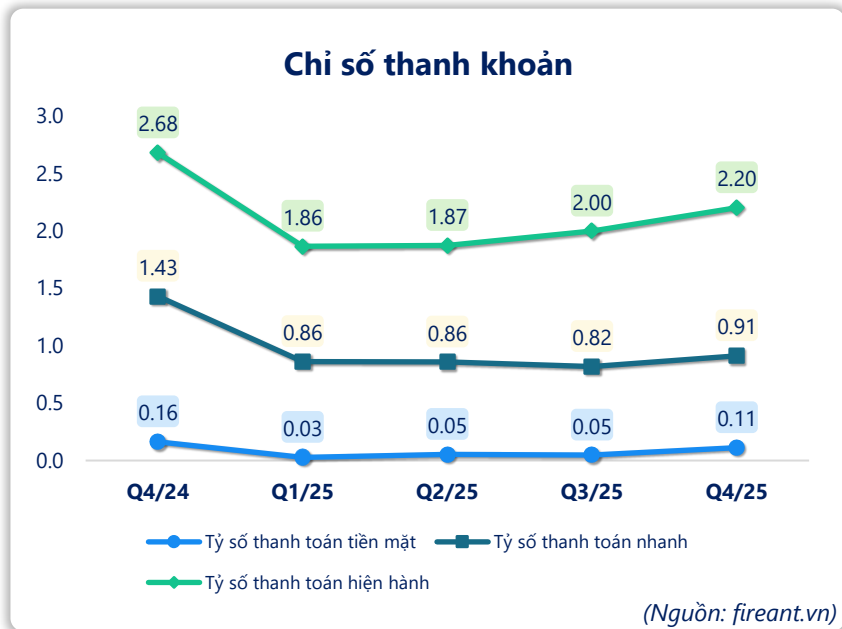
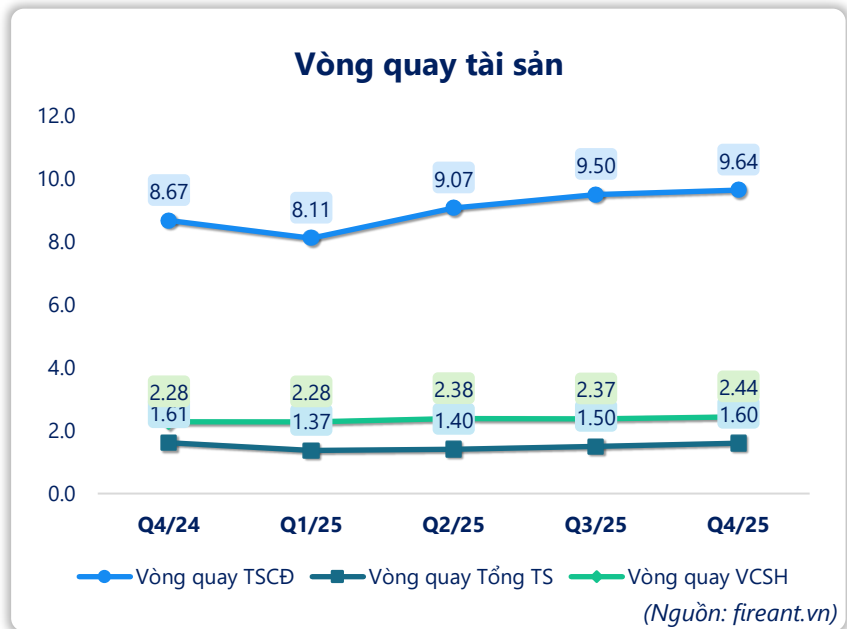
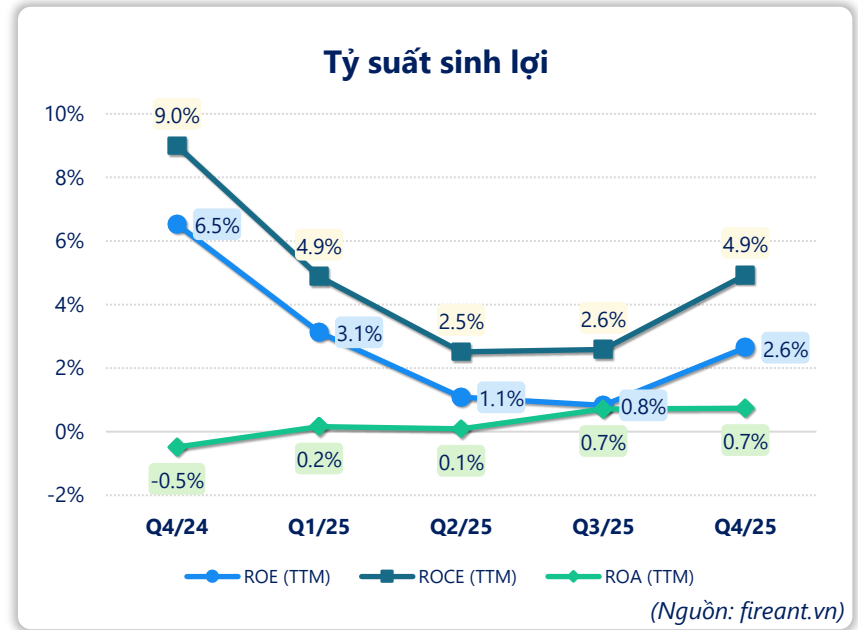
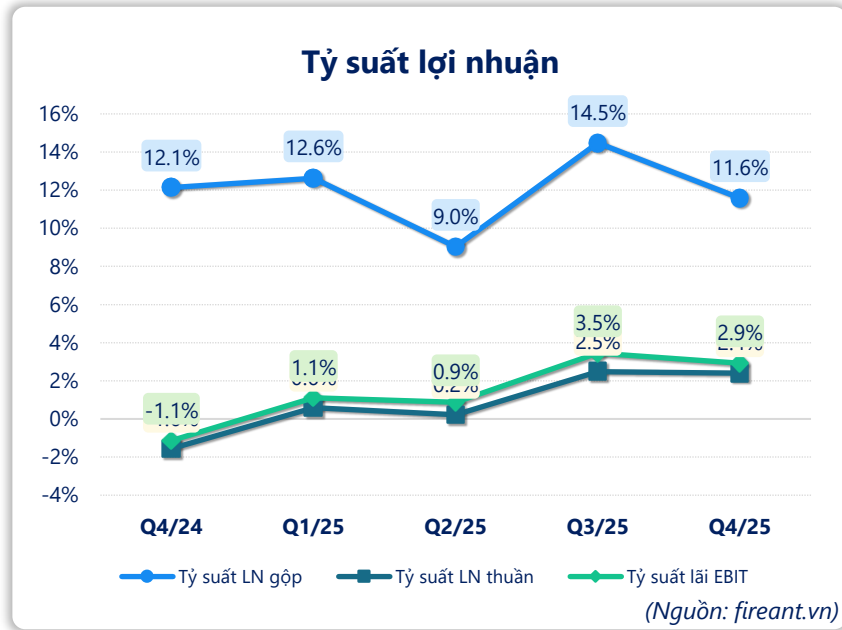
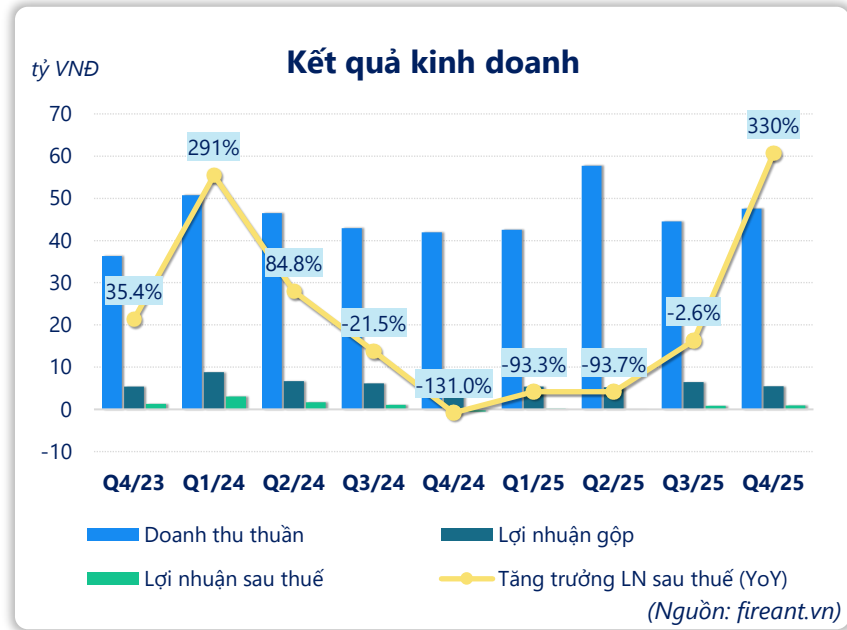


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		43,441
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,500
SL cổ phiếu LH		6,745,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,710
% sở hữu nước ngoài		7.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		188
P/E		89.9
EPS		309

	YTD	1T	3T	6T
TSB	-34.1%	-20.8%	-20.6%	-21.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	124	117	6.7%
Tài sản ngắn hạn	103	96.3	6.5%
Tiền và tương đương tiền	5.19	5.85	-11.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.6	31.5	-41.0%
Phải thu ngắn hạn	14.8	12.8	15.6%
Hàng tồn kho	60.0	44.9	33.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.90	1.24	216%
Tài sản dài hạn	21.8	20.3	7.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	20.3	19.6	3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.15	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.35	0.63	115%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.9	36.2	29.6%
Nợ ngắn hạn	46.6	36.0	29.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.7	27.4	30.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.08	4.94	43.3%
Nợ dài hạn	0.23	0.18	27.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	77.5	80.4	-3.7%
Vốn chủ sở hữu	77.5	80.4	-3.7%
Vốn điều lệ	67.5	67.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	41.9	42.5	57.7	44.5	47.6
Giá vốn hàng bán	36.8	37.2	52.5	38.1	42.0
Lợi nhuận gộp	5.09	5.37	5.21	6.44	5.51
Doanh thu HĐTC	0.53	0.62	0.70	0.56	0.36
Chi phí TC	0.20	0.22	0.37	0.43	0.29
Chi phí lãi vay	0.18	0.22	0.37	0.43	0.25
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.31	4.10	3.71	4.26	3.43
Chi phí QLDN	1.77	1.41	1.70	1.21	1.00
LN thuần từ HĐKD	-0.65	0.25	0.13	1.10	1.14
Lợi nhuận khác	0.00	0	0.01	0	0.00
LN trước thuế	-0.66	0.25	0.14	1.10	1.14
Lợi nhuận sau thuế	-0.55	0.20	0.11	0.88	0.89
LNST của CĐ cty mẹ	-0.55	0.20	0.11	0.88	0.89

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.07	-1.96	-9.93	-1.63	0.82
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.59	-4.88	0.10	4.81	8.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.09	2.63	11.5	-3.87	-6.65
Tiền đầu kỳ	2.25	5.85	1.64	3.28	2.60
Lưu chuyển tiền thuần	3.61	-4.21	1.64	-0.68	2.58
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	5.85	1.64	3.28	2.60	5.19

(Nguồn: fireant.vn)